

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày 01 - 02 - 2018
V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con
giữa chị H và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Chơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **H Minh Hằng**
2. Bà **Hoàng Thị Thoa**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Việt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:* Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Văn T, sinh năm 1994 (Vắng mặt, lần hai không lý do).

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Nguyễn Ngọc H trình bày như sau:

Chị H và anh T cưới nhau vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương ngày 24/02/2014.

Vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc, không quan tâm vợ con, không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm nay. Nay chị H không còn tình cảm với anh T, nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Nhật H, sinh ngày 31/3/2014, khi ly hôn chị H xin được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H khai nhận vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H khai nhận vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra chị H không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Trương Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), nhưng anh T thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, không hợp tác và cũng không trình bày ý kiến của mình nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; 01 giấy khai sinh; 01 giấy chứng nhận kết hôn; đơn xác nhận tình trạng nơi cư trú; biên bản xác minh ngày 12/10/2017; biên bản xác minh ngày 7/12/2017.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Theo biên bản xác minh ngày 12/10/2017 và ngày 07/12/2017 làm việc với đại diện Ban lãnh đạo ấp K cho thấy anh T và chị H có mâu thuẫn là đời sống chung vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất hòa và không ai quan tâm đến ai, vợ chồng đã ly thân hơn 03 năm nay. Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Nhật H, sinh ngày 31/3/2014 hiện chị H đang chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T có hộ khẩu cư trú tại ấp K, anh T làm nghề ngư phủ đi biển, đi về thường xuyên, anh T đã biết việc chị H làm thủ tục xin ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị H giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày trên. Anh T vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký, đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do chính đáng, căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc H đối với anh Trương Văn T là có cơ sở chấp nhận theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Trương Nhật H, sinh ngày 31/3/2014. Chị H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng là có căn cứ theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình .

Về tài sản chung và nợ chung chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H xin ly hôn với anh T, anh T có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi vụ án được thụ lý, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 177 và 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T cưới nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T theo giấy chứng nhận kết hôn số 26/KH/2014 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/02/2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H xin được ly hôn với anh T, do mâu thuẫn đã có từ lâu, anh T không quan tâm vợ con, quan điểm vợ chồng khác biệt, bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi bất hòa, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng không T hàn gắn được, anh chị đã ly thân hơn 02 năm nay. Còn anh T thì trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tiến hành hòa giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ nhưng anh T không hợp tác, cũng không trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H. Qua xác minh thì thấy anh T có nơi cư trú ở ấp K, làm nghề ngư phủ nên thường xuyên vắng mặt tại địa phương, anh T biết việc chị H đang làm thủ tục xin ly hôn và cũng biết Tòa án nhiều lần liên hệ làm việc (BL 29, BL 51), nhưng anh T không đến Tòa án hòa giải đoàn tụ và cũng như không có ý kiến gì T hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa chị H vẫn cương quyết xin ly hôn vì chị xác định không còn tình cảm với anh T, từ các phân tích trên cho thấy anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân giữa anh chị

lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không T kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 222/KS/2014 quyền số 02/2014 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương ngày 07/4/2014, nên HĐXX có cơ sở xác định anh T và chị H có 01 con chung tên Trương Nhật H, sinh ngày 31/3/2014. Khi ly hôn chị H xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng, chị H có công việc ổn định là công nhân công ty gỗ và có thu nhập ổn định từ 05 đến 08 triệu đồng/tháng. Xét thấy cháu H đang được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nên để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu H việc giao cháu H cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, việc chị H không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện, do chị H có đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con nên Tòa án không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Khi có yêu cầu chị H có T yêu cầu bằng một vụ kiện khác.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do chị H là nguyên đơn nên chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0006977 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký, HTND, đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của của chị Nguyễn Ngọc H đối với anh Trương Văn T là có cơ sở chấp nhận theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Trương Nhật H, sinh ngày 31/3/2014 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Về tài sản chung và nợ chung chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 177, Điều 179, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc H đối với anh Trương Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 26/KH/2014 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/02/2014, đương nhiên hết hiệu lực kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Nhật H, sinh ngày 31/3/2014 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nhằm đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu H. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do chị H có đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con nên Tòa án không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản, anh T không được lạm dụng quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0006977 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị H đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
 - Chi cục THADS huyện An Biên;
 - VKSND huyện An Biên;
 - Các đương sự;
 - UBND phường T,
- Thị xã D, tỉnh Bình Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Chơn

